

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2024

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đỗ Thị Hân

bà: Lê Thị Thu Anh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: ông Phạm Vương Đại Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024. Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị Y, sinh năm 1999; nơi cư trú: khu C, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Đoàn Trung D, sinh năm 1986; nơi thường trú: khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số nhà E, đường M, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt, lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2024 và bản tự khai ngày 03/10/2024 nguyên đơn chị Bùi Thị Y trình bày:

Chị Bùi Thị Y và anh Đoàn Trung D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2023, tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể kéo dài được nữa. Do vậy, chị Y thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh Đoàn Trung D.

- Về con chung: chị Bùi Thị Y và anh Đoàn Trung D có 01 (một) con chung là Đoàn Lâm A, sinh ngày 03/10/2023. Sau khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm A cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại đơn khởi kiện chị Y có quan điểm tự thỏa thuận với anh D về cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 03/10/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt các ngày 30/10/2024 và ngày 14/11/2024 chị Y thay đổi không yêu cầu anh Đoàn Trung D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị Bùi Thị Y và anh Đoàn Trung D không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Tại biên bản làm việc ngày 16/10/2024 bị đơn anh Đoàn Trung D trình bày quan điểm:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh Đoàn Trung D đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Y.

- Về con chung: anh Đoàn Trung D và chị Bùi Thị Y có 01 (một) con chung là Đoàn Lâm A, sinh ngày 03/10/2023, hiện nay đang sinh sống cùng chị Y tại khu C, phường H, thành phố M. Anh Dũng có nguyện vọng sau khi ly hôn được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả xác minh tại khu G, phường H, thành phố M được biết: sau khi kết hôn vợ chồng chị Y, anh D sinh sống tại số nhà B, đường N, khu G, phường H, thành phố M thì địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Y và anh D, nhưng được biết chị Y và anh D thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát đánh chửi nhau. Hiện chị Y đã chuyển về khu C, phường H, thành phố M sinh sống còn anh D đang sinh sống tại số nhà E, đường M, phường H, thành phố M. Về con chung chị Y và anh D có 01 con chung hiện nay đang sinh sống cùng chị Y tại khu C, phường H, thành phố M.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đoàn Trung D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Bùi Thị Y có đơn xin xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai và biên bản xác minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Y. Về con chung: giao cháu Đoàn Lâm A cho chị Bùi Thị Y nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, khoản nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: về quan hệ tranh chấp chị Bùi Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn, theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có đăng ký thường trú tại khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số nhà E, đường M, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, bị đơn anh Đoàn Trung D đã được Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tổng đạt văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo qui định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Bùi Thị Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt chị Y và anh D theo qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Bùi Thị Y và bị đơn anh Đoàn Trung D kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị Y, anh D trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Dũng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị Y xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, ngày 16/10/2024 anh D có quan điểm thể hiện ý kiến đồng ý với yêu cầu xin ly hôn với chị Bùi Thị Y. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Y là có căn cứ phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Bùi Thị Y và anh Đoàn Trung D có 01 (một) con chung là Đoàn Lâm A, sinh ngày 03/10/2023. Hiện nay cháu Lâm A đang sinh sống cùng chị Y tại khu C, phường H, thành phố M được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, cháu Lâm A tính đến ngày xét xử (15/11/2024) mới được 13 tháng 12 ngày tuổi. Vì vậy, việc tiếp tục giao cháu Đoàn Lâm A cho chị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình,

hợp lý và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Bùi Thị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là quyền định đoạt của chị Y nên cần chấp nhận.

[6] Anh Đoàn Trung D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung, khoản nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: chị Bùi Thị Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Y;

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Đoàn Trung D.

2. Về con chung: giao con chung Đoàn Lâm A, sinh ngày 03/10/2023 cho chị Bùi Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Đoàn Trung D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: chị Bùi Thị Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0003211, ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái; chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Ninh Dương, TP. Móng Cái;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hân Lê Thị Thu Anh

Nguyễn Thùy Dương

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/7/2024 chị Y thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung và đề nghị Toà án xem xét giải quyết mức cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng Gia B và Nguyễn Minh T theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, anh Đoàn Trung D đang công tác tại Trạm kiểm soát Biên phòng L thuộc Đồn Biên phòng H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, căn cứ vào Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 kèm theo Phụ lục danh mục địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu từ ngày 01/7/2022 của Chính phủ “*quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc*

theo hợp đồng lao động”. Ngày 20/01/2023, Hội đồng Tiền lương Quốc gia đề xuất mức tăng lương tối thiểu vùng 2024 là 6%, thời gian áp dụng từ ngày 01/7/2024 thì anh Đoàn Trung D thuộc vùng II có mức lương tối thiểu tháng là $4.160.000 \text{ đồng/tháng} \times 6\% = 4.410.000 \text{ đồng/tháng}$, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”.

Xét thấy, anh Đoàn Trung D là quân nhân chuyên nghiệp đang công tác tại Trạm kiểm soát Biên phòng H1, thành phố M có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, cần buộc anh Đoàn Trung D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng Gia B và Nguyễn Minh T cho chị Bùi Thị Y là 2.205.000.000 đồng/01tháng/01con chung, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đoàn Trung D trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều vắng mặt nên không thể hiện được quan điểm của mình về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, anh N có quyền thay đổi về nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.